

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện
**DANH NHÂN
VIỆT NAM**

TRUYỀN LỊCH SỬ

Thời Trần-Lê

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

NGÔ VĂN PHÚ

Truyện
**DANH NHÂN
VIỆT NAM**

TRUYỀN LỊCH SỬ

Thời Trần - Lê

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

NGÔ VĂN PHÚ

TRUYỆN Danh nhân Việt Nam

* Thời Trần - Lê

(Truyện lịch sử)

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

THỜI Điền

Đêm giáng sinh của những con chữ

Nguyễn Thuyên ngồi trước một bản mẫu chữ ông tự viết để chọn lấy đủ hai mươi tám chữ trong một bài thơ Nôm. Những con chữ lần lượt hiện ra. Ông viết:

Xuân

*Hoa nở, lộc hừng. Xuân lại xuân,
Cỏ cây mơn mớn đón đông quân.
Bướm ong bay rộn. Trời đang ấm
Mình mảnh trắng Xuân, sáng bội phần...*

Ông chọn chữ Nho và viết. Trong hai mươi tám chữ thì những chữ hoa, lộc, xuân, đông quân, bội phần, cứ dùng nguyên chữ Hán là được. Còn hai mươi mốt chữ kia, ông phải tự xoay xỏa lấy, mượn chữ Hán để đặt thành chữ Nam. Chữ lại chữ đang thì từ Hán có âm ấy, tội gì không dùng. Lại (支), đương (當). Ông viết. Đương đọc là đang. Ông reo lên. Chữ *ấm* từ Hán cũng có! Chẳng khó khăn gì! Nhưng còn từ *cỏ* thì sao?

Cỏ là nghĩa của chữ *thảo*. Lấy *thảo* để đọc *cỏ* không được. Phải có một chữ gợi âm... *Cỏ*... *Cỏ*. Nguyễn Thuyên à lên... *Cỏ* là chữ *thảo* bên chữ *cổ*. Ông lần ra dân. Ông viết chữ *cỏ thảo* bên *cổ* (草古). Còn chữ *cây*?

- À, phải rồi. *Mộc* bên từ *cai*. *Mộc* là ý *cai* là âm.

Nguyễn Thuyên viết: *Cây* (木多)

Ông lại tự hỏi mình. Còn trăng thì thế nào đây?

- Đây rồi. Nguyệt bên trăng là trăng! (月朧)

Cuối cùng, ông đã viết đủ được cả hai mươi tám chữ của bài thơ. Chưa bao giờ ông vui thế. Ông gọi người hầu đem giấy tốt, mực Tàu, ghi lại bài thơ và cẩn thận để riêng vào trong tráp. Đêm ấy, ông ngủ được một giấc thật ngon lành.

Nguyễn Thuyên bị ám ảnh mãi về việc tạo sao cho được một thứ chữ riêng cho nước mình mà không phải mượn dùng đến chữ Hán. Ông say mê tìm tòi thêm lấp ghép nhiều chữ khác. Mỗi ngày ông đặt cho mình lấp được những từ thường dùng đến những cỏ cây, muông thú. Từ trang nhả trong cung cấm đến những lời ăn tiếng nói của dân chúng trong tổ ấm, trong quán rượu. Vị học sĩ ra ngoài nhiều, làm việc đầy hào hứng. Đêm đến, ông lại lấp từ ghép chữ, rồi cẩn thận chép vào một cuốn sách riêng, mà ông tự đề là "Quốc âm văn tự". Mấy bữa sau ông lại tự bóc cái tờ bìa ấy và bảo: Sao ta không lấy chữ ta mà lại phải mượn chữ Hán để đề tên sách. Ông nghĩ ra được một từ chữ... Chữ gồm hai chữ tự (字). Hay lắm! Vậy là tên sách sẽ là chữ Nam. Ông viết: *Chữ Nam* (字南) Ông khoái lắm. Chọn trong thư pháp, lối viết cứng cõi vừa chân vừa đá thảo; ông dùng bút lớn ghi. Ông lại đề thêm dòng lạc khoản ở bên: *Thái học sinh Nguyễn Thuyên soạn...*

Một bận, ông thấy gió nồm lên. Ông làm bài thơ tức cảnh:

Gió nồm

Ra tết hây hây gặp gió nồm

Cỏ loang mặt đất. Lúa xanh om.

Người hoà tươi tốt. Cảnh hoà lạ,

Biếc một ngàn xa. Biếc núi non.

Ông gọi gia đồng, gửi thiệp mời đến vài ba vị học sĩ nữa đến uống rượu. Trong cuộc rượu, ông khoe với bạn:

- Các bác ạ, Nguyễn Thuyên này muốn đúc lại chữ thiên hạ đấy.

Trần Ngự sử nói:

- Sao, bác nói gì vậy? Có phải bác định làm một loại thơ chỉ mình mình hiểu thôi không. Thơ thì phải thế chứ. Nhất tự thiên kim mà!

Nguyễn Thuyên chỉ mỉm mỉm cười. Phạm đại phu nói:

- Tôi thấy Nguyễn tiên sinh dạo này ít làm thơ chữ Hán mà chỉ hay làm thơ tiếng nước mình. Tôi có đọc tập *Phi sa giản kim* của bác Nguyễn. Nhiều bài thú vị lắm.

Trần Ngự sử trách:

- Vậy mà bác coi nhẹ không bằng Phạm đại phu rồi!

Nguyễn Thuyên nói:

- Đâu phải thế. Bởi Trần Ngự sử vốn nghiêm khắc. Ở cung đình có thể khuyên Vua, đàn hạch các quan. Trên chiếu thư bình câu nào, bẻ câu nào, không ai cãi nổi, bởi vậy Thuyên này, được bài nào thật ưng mới dám đọc cho quan bác nghe. Để tạ lỗi với bác, đệ xin đọc bài *Gió nồm*!

Nguyễn cao giọng ngâm bài thơ vừa viết cho họ Phạm và họ Trần nghe. Nghe xong, Trần Ngự sử nói:

- Bài "*Gió nồm*" của bác thanh thoát, ấm cúng. Lời mộc mà không thô. Ý giản mà thâm hậu. Nhưng chữ nghĩa có khó hiểu gì đâu mà bác Nguyễn gọi là đúc chữ nhỉ?

Nguyễn nói:

- Tôi đúc chữ cho nước nhà, chứ có phải cho thơ đâu.

Nói đoạn liền đem ý đồ tạo chữ Nôm cho họ Trần và họ Phạm nghe. Họ Phạm hỏi:

- Đúc chữ cho nước nhà! Việc lớn thật! Nhưng liệu triều đình có tán thưởng không?

Nguyễn nói:

- Đường còn dài lắm! Làm sao đệ dám mạo muội. Phải chuẩn bị cho thật kỹ đã, từ đó mới làm tờ tấu lên Hoàng thượng được.

Phạm đại phu nói:

- Tôi nghe văn tự phải có qui củ, phải làm cho mọi tiếng nước ta thành chữ cả. Vậy Nguyễn huynh đã tìm ra lề luật gì chưa?

Nguyễn Thuyên cầm cuốn sách "*Chữ Nam*" lên và nói:

- Tất cả mọi tìm tòi của đệ đều nằm trong tập sách nhỏ này.

Rồi ông trình bày: Tiếng Nôm gồm các lệ luật như sau:

- Những tiếng Nôm giống như tiếng Hán thì dùng tiếng Hán. Chẳng hạn: Dân (民), phương Nam (方南) phương Bắc (方北).

Trần Ngự sử gật gù:

- Thông minh lắm. Phương Nam, phương Bắc. Đó chỉ là cách đảo của chữ Hán Nam phương, Bắc phương đó. Hay lắm! Quả là tiếng Nam khác tiếng Bắc. Đảo lại là tiếng của ta, chữ của ta. Dùng nguyên, là từ Hán, lối nói kiểu Hán. Trời ơi, tôi là người chỉ nghe truyền lại mà đã xúc cảm nhường này rồi huống chi người nghĩ ra điều ấy!

Lời khen của Trần Ngự sử khiến Nguyễn Thuyên rơm rớm nước mắt. Ông trình bày tiếp:

- Những chữ Hán gần với âm Việt, do nghĩa không xa nên dùng đọc theo âm Việt. Cô có thể đọc là côi trong con côi, con cút. Cục đọc là cuộc. Trong đó chữ Kỷ cũng có thể đọc luôn là ghé!

Phạm đại phu nói:

- Thì cũng phải như thế.

- Những chữ Hán đồng âm với tiếng Việt thì dùng luôn để đọc thành tiếng Việt. Những tiếng na ná tiếng Việt cũng được dùng như loại này.

Trần Ngự sử:

- Xin cho ví dụ!

- Như chữ một là mất, đọc tiếng ta một là một, số đếm! Chữ lang, từ Hán nghĩa là chàng, nhưng dùng trong ta là lang trong lang thang hoặc sang trong sang đồ, sang ngang đều phải tận dụng.

Phạm đại phu nói:

- Như vậy là phải dựa vào nghĩa câu, một từ Hán có thể đọc thành hai âm khác nhau sang từ Việt.

- Đúng thế.

Phạm đại phu bần khoăn:

- Như thế hơi khó đối với người ít chữ và những người vụng đoán.

Trần Ngự sử nói:

- Thế mới gọi là mò mẫm ban đầu. Tôi vốn khe khắt nhưng chấp nhận cho huynh. Xin nghe tiếp!

- Loại thứ tư này mới khó. Đó là những tiếng không ở gốc chữ Hán mà cũng chẳng đồng âm với chữ Hán nào ví dụ như chữ nói, chữ trời, chữ đến! Loại này phải dựa vào kết cấu nửa nghĩa nửa âm.

Phạm đại phu giục:

- Huynh nói luôn các chữ vừa dẫn xem.

Trần Ngự sử đã nghĩ ra, đỡ lời hộ Nguyễn Thuyên. Ông cầm ngay bút, đúng mực, viết ngay trên trang giấy trắng. Chữ đến gồm chữ Chí (nghĩa là đến) còn âm là chữ điển. Đến: (至典). Chữ nói thì một phần là khẩu (miệng) còn âm kia là nội. Nói (口内).

Ông vừa viết vừa đọc. Nhưng đến chữ trời thì ông ngừng tay hỏi Nguyễn Thuyên:

- Chữ trời ra làm sao. Một bên là chữ Thiên nghĩa là Trời. Còn một bên là chữ gì nữa!

Nguyễn Thuyên gợi:

- Thì bác tự nghĩ đi. Chữ nghĩa như bác thiếu gì!

Trần Ngự sử bảo:

- Theo nguyên tắc trên thì chữ Thiên bên chữ lôi đọc là trời cũng được chứ gì. Thiên là nghĩa còn lôi là âm!

Phạm đại phu nói:

- Không được, riêng chữ này không được!

Trần Ngự sử cãi:

- Thì nó vẫn đúng như nguyên tắc đề ra đấy chứ, một bên nghĩa, một bên âm!

- Không được ông ơi! Trời phải là hơn thiên lôi chứ. Ông ghép chữ thiên với chữ lôi để đọc trời thì trời kiện cho ông đấy!

Cả Nguyễn Thuyên và Trần Ngự sử đã nghĩ ra, liền phá lên cười. Trần Ngự sử bị vặn vẹo cả hàm hở, liền vút bút xuống, tựa lưng vào gối, nói với Nguyễn Thuyên:

- Bác Phạm vặn có lý lắm. Chữ Trời đành phải cạy đến Nguyễn huynh thôi!

- Tôi nghĩ ra rồi. Để khỏi lôi thôi chữ Trời ta dùng nghĩa cả hai Thiên thượng thì là Trời chứ còn gì nữa.

Trần Ngự sử lại vùng dậy nói:

- Hay lắm Thiên thượng là Trời. Nhưng viết ngang nhau không đẹp, phải cho chữ Thiên cưỡi lên chữ thượng như thế là Trời còn quái gì nữa.

Cả ba đều cười vang trong thư phòng!

Cả tối hôm ấy, ba ông thi nhau để ra những con chữ. Ông Trần tìm được trên ba trăm, ông Phạm được hơn hai trăm. Ông Nguyễn bối tìm trước đã được ngót một nghìn chữ nay chỉ tìm được hai trăm hai mươi chữ. Riêng các chữ của ông Phạm và ông Trần, nhiều chữ tìm ra, ông Nguyễn đã tìm trước rồi, chỉ còn lại một phần ba, một phần tư là chữ mới!

Gần đến nửa đêm, ông Phạm nói với ông Trần:

- Thôi, chúng ta biếu bác Nguyễn những từ kiếm được bữa nay để cho vào cuốn tiếng Nam của Nguyễn.

Nguyễn Thuyên nói:

- Tôi cứ xin ghi rõ phần những con chữ này được sinh ra từ hai ông thân sinh là họ Phạm và họ Trần!

Phạm cãi:

- Nhưng bác mới là bố đẻ chính cống. Chúng tôi chỉ là bố nuôi thôi.

Nguyễn kẹp mấy tờ giấy vào cuốn "*Chữ Nam*". Chợt Trần Ngự sử bảo:

- Này, huynh ạ, đệ mới nảy ra một ý. *Chữ Nam*. Nam vẫn là tiếng Hán. Sao ta không phiên luôn ra một thứ tiếng. Ông bà ta gọi gió đông nam là gió nồm, thì chữ Nam có thể gọi là chữ Nôm hoặc chữ Nôm được chứ!

Phạm đại phu nói:

- Ừ phải đấy. Vả lại Nam thì có bao nhiêu nước ở phương Nam. Nhưng nếu gọi là chữ Nôm mới thật là tiếng gốc của nước mình đấy.

Nguyễn Thuyên nghĩ ra ngay:

- Vậy tên cuốn sách này phải đọc là Chữ Nôm chứ không phải là *Chữ Nam*. Mà Nôm thì khó gì, thêm một chữ *khẩu* bên chữ *nam* thôi mà!

Rồi tiện mực còn sánh. Ông cầm bút đại tự viết luôn một chữ *khẩu* bên cạnh.

*

Khi được ban truyền ra, rất nhiều người tán thưởng. Người ta thi nhau làm thơ bằng chữ Nôm. Người ta chép tập *Phi sa giản kim* của Nguyễn Thuyên và truyền nhau đọc những bài thơ Nôm ở trang

ấy. Một bữa, Nguyễn Thuyên nhận được một tấm thiệp giở ra thấy bốn câu thơ:

Gửi người đẽ ra chữ Nôm

Lời hay ý đẹp tí cao sang!

Bói cát xem ra đã rõ ràng!

Thơ đã Nôm rồi. Tên lại chữ!

Giản kim sao chẳng nói tìm vàng!

Học trò lớp sau họ Nguyễn kính đề!

Nguyễn Thuyên cầm tờ thiệp giật mình. Ông vội chừa tên tập thơ là *Bói cát tìm vàng*. Song ông vẫn ghi phụ từ Hán ở dưới là *Phi sa giản kim...*

*

Vùng Ngã Ba Hạc thời đó, rất nhiều cá sấu! Bữa ấy Trần Nhân Tông đi thị sát miền Tam Đái, có triệu Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên tới.

Vua đi khắp ba cửa sông lớn, lại đi cả vào những khe lạch dẫn vào những bãi lầy bị phù sa bồi chừa hết. Vua đang coi kỹ các chỗ có thể phục quân thủy, nếu như giặc Nguyên lại một lần nữa mò sang thì có chỗ giấu quân.

Chợt có tiếng kêu thét lên:

- Cá sấu! Cá sấu!

Quả nhiên, trước mặt một đám cá sấu có tới năm sáu con thấy thuyền Ngự vừa ra động sóng, chúng từ bờ đất hong nắng cũng tuồn xuống nước. Và chúng lừ đừ bơi theo thuyền Vua. Bữa ấy, đi coi quân tập trận nên Trần Nhân Tông không đi thuyền lâu mà lại đáp thuyền chiến hạng nhẹ. Đàn cá sấu vẫn đuổi theo. Viên đô úy có vẻ hoảng hốt. Song Đức vua vẻ mặt vẫn thản nhiên. Quan Hình bộ thượng thư cũng bình tĩnh không tỏ chút lo ngại. Trần Nhân Tông nói:

- Ta nghe xưa Hàn Dũ bên Tàu thấy cá sấu, làm văn vút xuống nước cá liền chạy. Bây giờ ông thử làm xem cá sấu Ngã Ba Hạc có chạy hay không?

Ông vâng lệnh soạn văn ngay. Một lúc trình lên Ngài ngự.

Văn tế cá sấu

*Đất có thổ công, Sông có Hà Bá
Thuyền Vua đi qua, Gặp bầy cá lạ
Hắn chẳng phải Thủy Tinh đòi vợ Sơn Tinh
Đâu phải đám Thạch Bàn định giăng bẫy đá!
Đất nào cũng đất Đức vua
Giang sơn thuộc về mình chủ...
Vùng vẫy giữa dòng phải chẳng mừng gặp long nhan,
Ngang dọc xếp hàng hẳn đến vái chào chân chúa.
Ngạc ngư! Ngạc ngư!
Là loài có nghĩa!
Lạy rồi sao chẳng tháo lui
Đức vua đang bận việc quân
Sao đại ngăn đờng tuần thú.
Lui ngay!
Khâm Thủ!*

Nguyễn Thuyên đọc to giữa dòng rồi cầm nắm hương to, hoa lên, lửa cháy bùng, đốt bài văn tế, vút cả hương và tờ giấy cháy xuống nước... Đám cá sấu thấy cảnh lạ liền quây mạnh rồi ngoan ngoãn xuôi trở về ngã ba không ngược theo thuyền Ngự nữa.

Cá sấu đã đi xa. Trần Nhân Tông cười hỏi:

- Sao ông không làm văn bằng chữ Hán mà lại làm bằng văn Nôm.

Phạm đại phu ngồi bên, thấy Vua vui liền tâu:

- Cá nước mình, thì phải dùng tiếng nước mình đuổi cá thì cá mới chạy. Và lại, văn cá sấu của Hàn Dũ vốn bằng chữ Hán, vì Dũ là người triều Đường. Còn Nguyễn Thuyên đặt ra được chữ Nôm, dùng chữ Nôm là phải lắm!

Vua ban thưởng cho Nguyễn Thuyên và tiếp tục ra lệnh cho thuyền Ngự tiến về phía trước.

1997

Vị tướng đất mai vàng

Trang Hoàng Mai, vốn là thái ấp của Bào Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Trần Khát Chân là dòng dõi của Bào Nghĩa Vương, thừa kế, lập trang ấp ngày càng hưng thịnh. Dân làng no đủ, lại có nghề nấu rượu. Khát Chân dẫu dòng dõi công thân, nhưng mê say đạo Phật, thường giao du với các vị hoà thượng ở các chùa lớn bàn kinh, giảng đạo. Vốn dòng dõi tướng, Trần Khát Chân vẫn không quên thao lược, nghĩ rằng, nếu giỏi thì những lúc triều đình cần quân các vương hầu, mình cũng không phải xấu hổ với các nơi khác. Khát Chân cũng là người học rộng: binh thư, phép dụng binh đều xem hết... Những năm gần đây, kinh thành luôn biến động, khi Dương Nhật Lễ tiếm ngôi mất kinh thành. Thượng hoàng Nghệ Tôn phải chạy ra tận Hưng Hoá. Sau đó trong úng, ngoài đánh mới lấy lại ngôi báu. Duệ Tông chết trận, rồi Phế Đế uơ hèn, triều đình thân ngoại tộc là Lê Quý Ly, quân Chế Bồng Nga ngày lại càng kiệt hiệt. Chúng đem cả quân thuỷ bộ vào sát tận kinh thành thăm dò sức quân ta. Khát Chân chọn tướng luyện quân, chờ triều đình gọi đến. Năm Canh Thân, Chế Bồng Nga cất đại quân thuỷ bộ từ Chiêm Thành tiến đánh Đại Việt, luôn vào sát kinh thành rồi lại rút quân về. Triều đình phải đem kho tiền lên tận Lạng Sơn cất giấu.

Chế Bồng Nga vẫn cho là Đại Việt còn nhiều châu báu, của quý, mà triều chính thì liễn trong mấy năm vừa qua thay đến mấy Vua, nhân thế mà càng có ý chiếm đánh Đại Việt.

Năm Kỷ Ty, Quang Thái thứ hai, khoảng tháng 10, quân Chiêm Thành đem quân vào cướp phá Thanh Hoá. Triều đình sai Lê

Quý Ly đem quân chống giữ. Giặc cho chặn nước trữ lại ở thượng lưu. Quý Ly thì cho quân đóng cọc ngăn thuyền giặc vào sâu... Giặc đến đánh mấy lần đều không được. Quý Ly càng tin ở kế phòng thủ. Lần cuối giặc giả đánh rồi giả cách lui rút chạy. Quý Ly cho nhổ cọc, gióng quân thủy đuổi theo. Chế Bồng Nga phá đập chắn nước, thủy bộ kết hợp, tung voi vào trận. Quân Việt ngược dòng không tiến được, một bộ phận đuổi theo thuyền giặc thì bị giặc từ các sông nhánh chia cắt ra mà đánh... Quý Ly thua to, chỉ huy quân Thánh Dực là Nguyễn Chí bị giặc bắt sống, bảy mươi tướng đều chết trận... Thế trận tan nát...

Quân Chiêm ăn mừng thắng trận rồi nhổ trại tiến về Thăng Long.

Lê Quý Ly vào xin Thượng hoàng (Nghệ Tông) đi đánh giặc, không được. Triều đình chưa biết chọn ai làm tướng. Có người tiến cử Nguyễn Đa Phương. Thượng hoàng nói:

- Người ấy là phó tướng vừa thất bại ở Thanh Hoá cùng Lê Quý Ly, nay giao cho cầm quân không có lợi.

Thượng hoàng nói với quan Hoàng môn thị lang:

- Gọi các vương hầu xung quanh thành Thăng Long cho ta!

Quan Hoàng môn tuân lệnh. Nhận được chiếu chỉ vào châu Thượng hoàng, Trần Khát Chân đến chơi với hoà thượng Trí Hoà, trụ trì ở chùa Bạch Mai! Sư thấy Khát Chân đến, đùa và nói:

- Hoàng phái tìm Bạch phái có điều chi vậy?

Trần Khát Chân cũng đùa lại:

- Đã gọi là Mai thì Bạch lại đẹp hơn Hoàng. Mà, mô Phật, giá như nhà sư mà ăn thịt chó thì rõ là nhất Bạch nhị Hoàng rồi!

- A di đà Phật! Sớm mai đã lộng ngôn rồi! Chẳng hay Khát Chân đến tìm ta là hỏi về Tâm thế nào đây.

Khát Chân cũng chẳng phải vừa, liền cười nói:

- Hoá ra nhà sư vẫn không quên được chuyện thế sự!

Trí Hoà cầm tay Khát Chân nói:

- Nước thịnh thì chùa đẹp, tượng được tô, sư được tĩnh tâm mà say đạo. Nước mất, sinh linh lầm than, dù có đi tu cũng phải ghé vai lo cùng vận nước chứ.

Khát Chân nói:

- Giặc Chế Bồng Nga mang quân từ Chiêm Thành sang. Lê Quý Ly đã nướng mất mấy đạo quân và bảy mươi viên tướng. Thượng hoàng Nghệ Tông hợp vương hầu, tôi muốn xin cầm quân liều chết với giặc, đạo hữu xem thế nào!

Trí Hoà nhìn bạn rồi nói:

- Ông tai Phật, nhưng mặt tướng, trốn làm sao được trọng trách. Nên xin triều đình mà cầm quân đi. Ta xem tướng ông lúc này, ứng với mấy câu thơ đây:

Hảo tai, mỹ ngọc tàng ngoan thạch

Chân mỹ, liên hoa xuất thủy thì

Tâm thành phù thế chân thường kiến

Vạn pháp tung hoành chính biến tri

(Đẹp thay đá giấu ngọc lành

Bông sen lương ngát nở duyên nước trong

Tâm thành việc lớn ắt xong

Trong cơn biến ắt thoát lòng dọc ngang).

Hôm sau, Trần Khát Chân lên chầu Thượng hoàng ở điện Tập Hiền. Thượng hoàng lo lắng sau khi nói rõ thế giặc đang tiến như vũ bão về kinh thành, liền hỏi:

- Quốc gia lâm nguy, lúc này triều đình mong có những vương hầu như cha ông kiệt kiệt thuở Hưng Đạo Vương, Chiêu Minh Vương, Chiêu Văn Vương... Cha ông lừng lẫy thế, con cháu chẳng lẽ để giặc Chiêm năm nào cũng vào kinh thành, làm điều bạo thiên nghịch địa thế này ư?

Thượng hoàng hỏi mấy lần không một ai đáp ứng. Điện Tập Hiền im phăng phắc, nghe rõ cả tiếng chim khuyen gọi nhau bắt sâu trên những chùm hoa mẫu đơn trong vườn viện.

Trần Khát Chân trông thấy dáng Thượng hoàng ủ dột, gầy sút, thương quá, liền xuất ban, quỳ xuống tâu rằng:

- Giặc đã đến cửa ngõ kinh thành, đời đời thần được hưởng lộc triều đình, lẽ nào không đánh giặc. Hiềm vì chức nhỏ, đầu dám kham chuyện lớn. Nay các vị Vương tước, Thượng tướng quân không ai nhận cầm quân ngăn giặc thì Khát Chân xin Thượng hoàng giao quán cho thần, dầu gan nát, óc lầy, thầy bọc trong da ngựa cũng chẳng ngần ngại.

Thượng hoàng hỏi:

- Ai nói đấy, có phải do tướng Trần Khát Chân không?

- Tâu Thượng hoàng, thần đây!

Thượng hoàng rời ngai vàng rồi chỉ vào ghế trên cùng mời ngồi:

- Khát Chân lên đây!

Khát Chân quỳ lạy tạ ơn rồi lên ngai trên ghế. Các vương hầu khác người thẹn thùng cúi mặt xuống, lắng nghe Khát Chân định bày phương lược thế nào. Khát Chân nói:

- Thế giặc đang mạnh. Trước hết lo thủy chiến, bởi quân Chiêm dựa vào chiến thuyền là chính. Đánh nhau dưới sông thắng quân thủy, tất quân bộ cũng phải tìm đường tháo chạy. Do đó xin Thượng hoàng dốc hết quân thủy giao cho thần!

- Ai có thể làm phó tướng, chỉ huy các cánh quân cho người!

- Nguyễn Đa Phương, Phạm Khả Vĩnh đều vừa thua trận lại thấy phong tướng mới, sợ không hết lòng vào trận. Thần xin được chọn các cánh quân vương hầu trong tôn thất, ai nguyện hết lòng với đất nước thì đi trận này!

Thượng hoàng nghe theo, truyền lệnh các đạo quân thủy từ Đông Bộ Đầu tiến quân. Khi Trần Khát Chân xuống thuyền, Thượng hoàng thân đi kiệu đến đưa tiễn. Khát Chân khóc nói:

- Đứa cháu của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng, nổi chí ông xưa, không biết công có thành không? Xin Thượng hoàng ở kinh thành giữ gìn thánh thể theo dõi thế trận, nếu có gì xảy ra mà ứng biến cho kịp thời.

Thượng hoàng Trần Phủ cũng không cầm được nước mắt, ôm vai Khát Chân mà nói:

- Dõng nào, dõng ấy... Ta tin rằng tướng quân sẽ thành công!

*

Trần Khát Chân cho đại quân theo sông Hồng tiến thẳng về phía Thiên Trường. Thế trận của quân Chiêm bày giăng kín ở phía sông Hoàng Giang. Khát Chân cho rằng nếu đánh thẳng vào thì hai phía bờ, địch có thể dùng hoà công từ quân bộ phối hợp, bắn tên lửa vào thuyền, mặt chính của sông Hoàng Giang các thế đội sẽ liên tiếp đánh vỗ vào mặt giữa. Lại có thể phục binh ở các sông nhánh khép lại, e bề bất lợi... Cùng lúc đó lại hay tin Trần Nguyên Diệu, em phế đế Trần Nghiễn, muốn báo thù cho anh bị Thượng hoàng giết, đã sang hàng Chế Bồng Nga. Chắc hẳn vì thế nên việc xuất quân của Khát Chân không còn giữ bí mật được nữa. Khát Chân mời các tướng đến thượng nghị, rồi cho một cánh quân lớn đóng quân trấn giữ trên sông Hồng, hư trương thanh thế. Khát Chân cho rằng, Chế Bồng Nga không chỉ nghi binh, phục binh mà y còn nhân lúc Khát Chân dốc toàn lực ra đánh, y sẽ làm như quyết chiến ở mặt chính, nhưng đem đại quân theo sông Luộc rồi từ đó vào sông Nguyệt Đức, tiến đánh kinh thành, lúc đó thủy quân của Trần Khát Chân có lui về tiếp cứu thì cũng ngược dòng khó mà kịp được.

Trần Khát Chân biến tiền quân thành hậu quân, gấp rút đưa quân thủy về sông Luộc hạ trại.

Quân Chế Bồng Nga đang thế mạnh, lại vừa vô Thiên Trường đổ bộ lên bờ cướp bóc được nhiều của nả, gái đẹp. Đêm nào thuyền Ngự của Chế Bồng Nga cũng thấp được sáng trưng, những vũ công Chiêm Thành được Hoàng đế mang theo. Những vũ nữ xinh đẹp được ở riêng một thuyền lâu, bên cạnh thuyền Ngự. Chế Bồng Nga yêu nhất điệu múa áp-sa-ra. Cứ mỗi đêm rảnh rỗi, Nhà vua chọn một vũ điệu độc đáo do một vũ nữ hay một cặp múa đôi, sau đó là điệu múa áp-sa-ra. Nhà vua vừa nghe nhạc, vừa nhìn vào những dáng điệu vũ nữ uyển chuyển vừa khoe được vẻ đẹp trời cho của thân thể một người đẹp tuyệt mỹ, bằng tay, bằng mắt, bằng bụng, bằng ngực, bằng bộ đùi thon thả, theo những nếp rung, những động tác thuần thục...

Lại có điệu múa chúc rượu đến tài tình, vũ nữ đội trên đầu một bình rượu, người và tay vẫn múa, mà đầu nghiêng xuống, để rượu ngon trong bình nhẹ nhẹ rơi vào trong chén của Nhà vua. Khi chén rượu vừa đầy đến miệng, vồng lên một chút rượu sánh thơm, thì mắt vũ nữ tình tứ gửi gắm đến người mình dâng rượu, chiếc bình lại trở về tư thế khác, theo thân hình thon thả đầy hấp dẫn...

Chế Bồng Nga thấy quân thủy của triều đình Đại Việt dàn trận rồi lại bỏ lui, lòng càng tin lời Trần Nguyên Diệu, kẻ quý tộc nhà Trần vừa đầu hàng là đúng! Vua Chiêm chờ tướng quân thủy của Đại Việt đánh trước sẽ diệt tan lực lượng chính rồi sẽ theo sông Luộc tiến quân về đô thành.

Đêm ấy, Nhà vua thấy quân Trần dàn quân mấy lần. Quân Chiêm khiêu chiến, họ chỉ đánh đến mép nước rồi lui quân về thủy trại. Chế Bồng Nga liền triệu Trần Nguyên Diệu đến và hỏi:

- Trần Khát Chân là người thế nào?

Diệu nói:

- Tàu Hoàng đế! Đó là một bậc quý tộc loại xoàng cả về tài lẫn đức. Chẳng qua triều đình chẳng còn ai đáng mặt, Trần Phủ mới phải dùng. Nếu nó dám xung trận thì chắc chết ở trong tay ngài thôi!